

Số: 33/TB- UBND

Đắk Hlơ, ngày 28 tháng 12 năm 2018

**THÔNG BÁO**

**Kết quả đánh giá, xếp loại chính quyền cơ sở xã; 7 thôn, làng;  
cán bộ chuyên trách, công chức, không chuyên trách xã  
và cán bộ không chuyên trách thôn, làng năm 2018**

Căn cứ Công văn số 1464/UBND-NC ngày 13/11/2018 của UBND huyện Kbang “V/v đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức và chính quyền cơ sở năm 2018”.

UBND xã đã triển khai Công văn số 53/UBND ngày 9 tháng 11 năm 2018 “V/v hướng dẫn đánh giá, xếp loại Chính quyền cơ sở; 7 thôn, làng; cán bộ, công chức, chuyên trách, không chuyên trách ở xã và cán bộ không chuyên trách ở 7 thôn, làng năm 2018”.

Nay UBND xã Thông báo kết quả đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, chuyên trách, không chuyên trách xã và cán bộ không chuyên trách 7 thôn, làng năm 2017, cụ thể như sau:

**I. Về tập thể:**

**1. Tập thể chính quyền cơ sở xã:** Tự chấm 95 điểm, xếp loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

**2. Tập thể thôn, làng:** 04 thôn, làng xếp loại HTXSNNV; 03 thôn, làng xếp loại HTTNV, cụ thể:

**\* Thôn 1:**

Tự đánh giá: HTXSNNV

Tập thể xã đánh giá: HTXSNNV

**\* Thôn 2:**

Tự đánh giá: HTXSNNV

Tập thể xã đánh giá: HTXSNNV

**\* Thôn 3:**

Tự đánh giá: HTXSNNV

Tập thể xã đánh giá: HTXSNNV

**\* Thôn 4:**

Tự đánh giá: HTXSNNV

Tập thể xã đánh giá: HTXSNNV

**\* Thôn 5:**

Tự đánh giá: HTXSNNV

Tập thể xã đánh giá: HTXSNNV

**\* Thôn 6:**

Tự đánh giá: HTXSNV

Tập thể xã đánh giá: HTXSNV

**\* Làng lợt:**

Tự đánh giá: HTXSNV

Tập thể xã đánh giá: HTXSNV

**II. Cá nhân:** (Có bảng phụ lục chi tiết kèm theo)

**1. Cán bộ chuyên trách:** 9 đ/c, xếp loại HTXSNV: 05 đ/c; HTTNV: 03 đ/c; 01 đ/c chưa đủ thời gian đánh giá, xếp loại.

**2. Công chức:** 10 đ/c, xếp loại HTXSNV: 01 đ/c; xếp loại HTTNV: 9 đ/c.

**3. Cán bộ bán chuyên trách ở xã:** 10 đ/c, xếp loại HTXSNV: 01 đ/c; xếp loại HTTNV: 7 đ/c; xếp loại HTNV còn hạn chế: 01 đ/c; 01 đ/c chưa đủ thời gian đánh giá, xếp loại.

**4. Cán bộ bán chuyên trách ở thôn, làng:** Tổng số 28, xếp loại HTXSNV: 2 đ/c; xếp loại HTTNV: 25 đ/c; 01 đ/c kiêm nhiệm.

**III. Đánh giá kết quả đánh giá, xếp loại:**

Năm 2018, nhìn chung tập thể các thôn, làng triển khai thực hiện đánh giá, xếp loại nhanh chóng có chất lượng; đánh giá đúng theo nội dung yêu cầu. Trưởng các ban ngành đoàn thể xã tự đánh giá, xếp loại đối với cán bộ ở thôn, làng thuộc cấp quản lý nên đã đảm bảo sự đánh giá chính xác đúng theo nhiệm vụ được phân công và kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Trên đây là Thông báo kết quả đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, chuyên trách, không chuyên trách xã và cán bộ không chuyên trách 7 thôn, làng năm 2018 của UBND xã. Nhận được thông báo đề nghị Thôn trưởng thôn, làng thông báo kết quả đánh giá, xếp loại trên cho cán bộ thôn, làng mình biết và niêm yết tại Nhà ban thôn để theo dõi./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực Đảng ủy- HĐND xã;
- Thường trực UBND- UBMTTQ xã;
- Các đoàn thể xã;
- Niêm yết "một cửa" xã;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Bí thư Chi bộ, Thôn trưởng 7 thôn, làng;
- Lưu VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ  
CHỦ TỊCH**



**Bùi Phích**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**XÃ ĐẮK HLO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC**  
**NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở CƠ SỞ NĂM 2018**

| stt      | Họ và tên                                                                                        | Chức vụ cán bộ, chức danh công chức | Chức vụ, chức danh kiêm nhiệm (nếu có) | Năm sinh |          | Đảng viên; Đoàn viên | Cá nhân tự xếp loại | Kết quả xếp loại của cấp có thẩm quyền |          |                  |            | Ghi chú     |
|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|----------------------------------------|----------|----------|----------------------|---------------------|----------------------------------------|----------|------------------|------------|-------------|
|          |                                                                                                  |                                     |                                        | Nam      | Nữ       |                      |                     | HTXS NV                                | HTT NV   | HTNV còn hạn chế | Không HTNV |             |
| 1        | 2                                                                                                | 3                                   | 4                                      | 5        | 6        | 7                    | 8                   | 9                                      | 10       | 11               | 12         | 13          |
| <b>A</b> | <b>CÁN BỘ CHUYÊN TRÁCH</b>                                                                       |                                     |                                        |          |          |                      |                     |                                        |          |                  |            |             |
| 1        | Lê Thanh Sơn                                                                                     | Bí thư Đảng ủy                      | Tổ chức Đảng                           | 1981     |          | Đảng viên            | HTXS NV             | X                                      |          |                  |            |             |
| 2        | Nguyễn Văn Lượng                                                                                 | Phó Bí thư Đảng ủy                  | Kiểm tra Đảng                          | 1964     |          | Đảng viên            | HTTNV               |                                        | X        |                  |            |             |
| 3        | Phan Thanh Thọ                                                                                   | Phó Chủ tịch HĐND                   |                                        | 1970     |          | Đảng viên            | HTTNV               |                                        | X        |                  |            |             |
| 4        | Bùi Phích                                                                                        | Chủ tịch UBND                       | Tuyên giáo                             | 1966     |          | Đảng viên            | HTTNV               | X                                      |          |                  |            |             |
| 5        | Tô Hoài Phương                                                                                   | Phó Chủ tịch UBND                   |                                        | 1969     |          | Đảng viên            | HTTNV               |                                        | X        |                  |            |             |
| 6        | Nguyễn Thị Loan                                                                                  | Chủ tịch UBMTTQ                     | Dân vận                                |          | 1969     | Đảng viên            | HTTNV               | X                                      |          |                  |            |             |
| 7        | Nguyễn Tuấn Anh                                                                                  | Bí thư Đoàn TNCSHCM                 | QL NVH                                 | 1991     |          | Đảng viên            | HTTNV               | X                                      |          |                  |            |             |
| 8        | Trần Thị Thu Thảo                                                                                | Chủ tịch Hội ND                     |                                        |          | 1978     | Đảng viên            | HTTNV               | X                                      |          |                  |            |             |
| 9        | Lê Thị Hiệp                                                                                      | Chủ tịch Hội LHPN                   |                                        |          | 1990     | Đảng viên            |                     |                                        |          |                  |            | chưa đủ t/g |
|          | <b>Tổng cộng</b>                                                                                 |                                     |                                        | <b>6</b> | <b>3</b> |                      |                     | <b>5</b>                               | <b>3</b> | <b>0</b>         | <b>0</b>   |             |
| <b>B</b> | <b>CÔNG CHỨC</b>                                                                                 |                                     |                                        |          |          |                      |                     |                                        |          |                  |            |             |
| 1        | Nguyễn Văn Phúc                                                                                  | Trưởng Công an                      | BTCB Thôn 5                            | 1972     |          | Đảng viên            | HTTNV               |                                        | X        |                  |            |             |
| 2        | Nguyễn Hữu Đặng                                                                                  | Chỉ huy Trưởng Quân sự              |                                        | 1989     |          | Đảng viên            | HTTNV               |                                        | X        |                  |            |             |
| 3        | Ngô Thị Kim Ngân                                                                                 | Văn phòng- Thống kê                 |                                        |          | 1990     | Đảng viên            | HTTNV               |                                        | X        |                  |            |             |
| 4        | Trần Thị Quỳnh Trang                                                                             | Văn phòng- Thống kê                 |                                        |          | 1990     | Đảng viên            | HTTNV               |                                        | X        |                  |            |             |
| 5        | Nguyễn Thị Hằng                                                                                  | Tư pháp - Hội tịch                  |                                        |          | 1980     | Đảng viên            | HTTNV               |                                        | X        |                  |            |             |
| 6        | Nguyễn Thị Hải                                                                                   | Tài chính - Kế toán                 |                                        |          | 1984     | Đảng viên            | HTTNV               |                                        | X        |                  |            |             |
| 7        | Lê Ngọc Vũ                                                                                       | Địa chính - xây dựng                |                                        | 1991     |          | Đảng viên            | HTTNV               |                                        | X        |                  |            |             |
| 8        | Nguyễn Thị Khâm                                                                                  | Địa chính - Nông nghiệp             |                                        |          | 1987     | Đảng viên            | HTTNV               | X                                      |          |                  |            |             |
| 9        | Nguyễn Văn Thắng                                                                                 | Văn hoá- xã hội (PT lĩnh vực VH)    | Đài PT                                 | 1978     |          | Đảng viên            | HTTNV               |                                        | X        |                  |            |             |
| 10       | Nguyễn Chí Công                                                                                  | Văn hoá- xã hội (PT lĩnh vực XH)    | CT Hội CTĐ                             | 1979     |          | Đảng viên            | HTTNV               |                                        | X        |                  |            |             |
|          | <b>Tổng cộng</b>                                                                                 |                                     |                                        | <b>5</b> | <b>5</b> |                      |                     | <b>1</b>                               | <b>9</b> | <b>0</b>         | <b>0</b>   | <b>0</b>    |
| <b>C</b> | <b>NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH</b>                                                        |                                     |                                        |          |          |                      |                     |                                        |          |                  |            |             |
| <b>I</b> | <b>ĐỐI VỚI CẤP XÃ (Các chức danh kiêm nhiệm vẫn phải thống kê nhưng không tham gia đánh giá)</b> |                                     |                                        |          |          |                      |                     |                                        |          |                  |            |             |
| 1        | Lê Thanh Sơn                                                                                     | Tổ chức Đảng                        |                                        | 1981     |          | Đảng viên            |                     |                                        |          |                  |            | Kiểm nhiệm  |

| stt                                                                                                         | Họ và tên           | Chức vụ cán bộ, chức danh công chức | Chức vụ, chức danh kiêm nhiệm (nếu có) | Năm sinh  |          | Đảng viên; Đoàn viên | Cá nhân tự xếp loại | Kết quả xếp loại của cấp có thẩm quyền |          |                  |             | Ghi chú  |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-------------------------------------|----------------------------------------|-----------|----------|----------------------|---------------------|----------------------------------------|----------|------------------|-------------|----------|
|                                                                                                             |                     |                                     |                                        | Nam       | Nữ       |                      |                     | HTXS NV                                | HTT NV   | HTNV còn hạn chế | Không HTNV  |          |
| 1                                                                                                           | 2                   | 3                                   | 4                                      | 5         | 6        | 7                    | 8                   | 9                                      | 10       | 11               | 12          | 13       |
| 2                                                                                                           | Nguyễn Văn Lượng    | Kiểm tra Đảng                       |                                        | 1964      |          | Đảng viên            |                     |                                        |          |                  | Kiểm nhiệm  |          |
| 3                                                                                                           | Bùi phích           | Tuyên giáo                          |                                        | 1966      |          | Đảng viên            |                     |                                        |          |                  | Kiểm nhiệm  |          |
| 4                                                                                                           | Nguyễn Thị Loan     | Dân vận                             |                                        |           | 1969     | Đảng viên            |                     |                                        |          |                  | Kiểm nhiệm  |          |
| 5                                                                                                           | Đinh Brầy           | Phó trưởng Công an                  |                                        | 1986      |          | Đảng viên            | HTTNV               |                                        | X        |                  |             |          |
| 6                                                                                                           | Tô Chí Quang        | Phó Chỉ huy Quân sự                 |                                        | 1985      |          | Đảng viên            | HTTNV               | X                                      |          |                  |             |          |
| 7                                                                                                           | Phạm Văn Huy        | Chăn nuôi - Thú y                   |                                        | 1960      |          |                      | HTTNV               |                                        | X        |                  |             |          |
| 8                                                                                                           | Đinh HMM            | Dân tộc - Tôn giáo                  |                                        | 1988      |          | Đảng viên            |                     |                                        |          |                  | chưa đủ t/g |          |
| 9                                                                                                           | Nguyễn Văn Thắng    | Phụ trách đài truyền thanh          |                                        | 1978      |          | Đảng viên            |                     |                                        |          |                  | Kiểm nhiệm  |          |
| 10                                                                                                          | Nguyễn Tuấn Anh     | Quản lý nhà văn hoá                 |                                        | 1991      |          | Đảng viên            |                     |                                        |          |                  | Kiểm nhiệm  |          |
| 11                                                                                                          | Võ Văn Tấn          | Bảo vệ                              |                                        | 1987      |          | Đảng viên            | HTTNV               |                                        | X        |                  |             |          |
| 12                                                                                                          | Nguyễn Văn Hoà      | Phó Bí thư Đoàn TNC HCM             |                                        | 1990      |          | Đảng viên            | HTTNV               |                                        |          | X                |             |          |
| 13                                                                                                          | Đặng Thị Xuân Nhanh | Phó Chủ tịch Hội LHPN               |                                        |           | 1991     | Đoàn viên            | HTNV                |                                        | X        |                  |             |          |
| 14                                                                                                          | Nguyễn Xuân Phong   | Phó Chủ tịch Hội Nông dân           |                                        | 1985      |          | Đảng viên            | HTTNV               |                                        | X        |                  |             |          |
| 15                                                                                                          | Vũ Thị Uyên         | Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh     |                                        |           | 1962     | Đảng viên            | HTTNV               |                                        | X        |                  |             |          |
| 16                                                                                                          | Phạm Thị Hương      | Chủ tịch Hội người cao tuổi         |                                        |           | 1947     |                      | HTTNV               |                                        | X        |                  |             |          |
| 17                                                                                                          | Nguyễn Chí Công     | Chủ tịch Hội chữ thập đỏ            |                                        | 1979      |          | Đảng viên            |                     |                                        |          |                  | Kiểm nhiệm  |          |
|                                                                                                             | <b>Tổng cộng</b>    |                                     |                                        | <b>13</b> | <b>4</b> |                      |                     | <b>1</b>                               | <b>7</b> | <b>1</b>         | <b>0</b>    | <b>0</b> |
| <b>II THÔN, LĂNG, TỔ DÂN PHỐ (Các chức danh kiêm nhiệm vẫn phải thống kê nhưng không tham gia đánh giá)</b> |                     |                                     |                                        |           |          |                      |                     |                                        |          |                  |             |          |
| 1                                                                                                           | Lương Thị Sơn       | Bí thư Chi bộ Thôn 1                |                                        |           | 1951     | Đảng viên            | HTTNV               | X                                      |          |                  |             |          |
| 2                                                                                                           | Trương Văn Đạo      | Bí thư Chi bộ Thôn 2                |                                        | 1959      |          | Đảng viên            | HTXS NV             | X                                      |          |                  |             |          |
| 3                                                                                                           | Võ Song Hào         | Bí thư Chi bộ Thôn 3                |                                        | 1973      |          | Đảng viên            | HTXS NV             |                                        | X        |                  |             |          |
| 4                                                                                                           | Nguyễn Văn Phòng    | Bí thư Chi bộ Thôn 4                |                                        | 1957      |          | Đảng viên            | HTTNV               |                                        | X        |                  |             |          |
| 5                                                                                                           | Nguyễn Văn Phúc     | Bí thư Chi bộ Thôn 5                |                                        | 1972      |          | Đảng viên            |                     |                                        |          |                  | Kiểm nhiệm  |          |
| 6                                                                                                           | Trần Văn Hoài       | Bí thư Chi bộ Thôn 6                |                                        |           |          | Đảng viên            | HTTNV               |                                        | X        |                  |             |          |
| 7                                                                                                           | Đinh Dinh           | Bí thư Chi bộ Lăng lợt              |                                        |           |          | Đảng viên            | HTTNV               |                                        | X        |                  |             |          |
| 8                                                                                                           | Trịnh Xuân Thành    | Trưởng thôn 1                       |                                        | 1959      |          |                      | HTTNV               |                                        | X        |                  |             |          |
| 9                                                                                                           | Hà Lực Qua          | Trưởng thôn 2                       |                                        | 1953      |          | Đảng viên            | HTTNV               |                                        | X        |                  |             |          |
| 10                                                                                                          | Trần Thanh Tỳ       | Trưởng thôn 3                       |                                        | 1956      |          | Đảng viên            | HTTNV               |                                        | X        |                  |             |          |
| 11                                                                                                          | Ngô Quốc Bình       | Trưởng thôn 4                       |                                        | 1969      |          | Đảng viên            | HTTNV               |                                        | X        |                  |             |          |
| 12                                                                                                          | Đinh Thế Hùng       | Trưởng thôn 5                       |                                        |           |          | Đảng viên            | HTNV                |                                        | X        |                  |             |          |
| 13                                                                                                          | Đặng Xuân Thành     | Trưởng thôn 6                       |                                        | 1976      |          |                      | HTTNV               |                                        | X        |                  |             |          |
| 14                                                                                                          | Đinh Djay           | Trưởng Lăng lợt                     |                                        |           |          | Đảng viên            | HTTNV               |                                        | X        |                  |             |          |
| 15                                                                                                          | Trần Ngọc Ninh      | Công an viên Thôn 1                 |                                        | 1968      |          |                      | HTTNV               |                                        | X        |                  |             |          |
| 16                                                                                                          | Ngô Cự Nhân         | Công an viên Thôn 2                 |                                        | 1968      |          | Đảng viên            | HTTNV               |                                        | X        |                  |             |          |

| stt | Họ và tên          | Chức vụ cán bộ, chức danh công chức | Chức vụ, chức danh kiêm nhiệm (nếu có) | Năm sinh  |           | Đảng viên;<br>Đoàn viên | Cá nhân tự xếp loại | Kết quả xếp loại của cấp có thẩm quyền |           |                  |            | Ghi chú  |
|-----|--------------------|-------------------------------------|----------------------------------------|-----------|-----------|-------------------------|---------------------|----------------------------------------|-----------|------------------|------------|----------|
|     |                    |                                     |                                        | Nam       | Nữ        |                         |                     | HTXS NV                                | HTT NV    | HTNV còn hạn chế | Không HTNV |          |
| 1   | 2                  | 3                                   | 4                                      | 5         | 6         | 7                       | 8                   | 9                                      | 10        | 11               | 12         | 13       |
| 17  | Lê Văn Vân         | Công an viên Thôn 3                 |                                        | 1958      |           |                         | HTXS NV             |                                        | X         |                  |            |          |
| 18  | Từ Thanh Long      | Công an viên Thôn 4                 |                                        | 1981      |           | Đảng viên               | HTTNV               |                                        | X         |                  |            |          |
| 19  | Bùi Hương Kiêng    | Công an viên Thôn 5                 |                                        | 1981      |           |                         | HTTNV               |                                        | X         |                  |            |          |
| 20  | Đặng Xuân Tâm      | Công an viên Thôn 6                 |                                        | 1996      |           | Đảng viên               | HTTNV               |                                        | X         |                  |            |          |
| 21  | Đinh Xuây          | Công an viên Làng lợt               |                                        | 1985      |           | Đảng viên               | HTTNV               |                                        | X         |                  |            |          |
| 22  | Ngô Thị Phương Lan | Trưởng Ban CTMT Thôn 1              |                                        |           | 1973      | Đảng viên               | HTTNV               |                                        | X         |                  |            |          |
| 23  | Mai Thị Hồng Bích  | Trưởng Ban CTMT Thôn 2              |                                        |           | 1983      | Đảng viên               | HTTNV               |                                        | X         |                  |            |          |
| 24  | Trần Văn Ba        | Trưởng Ban CTMT Thôn 3              |                                        | 1984      |           | Đảng viên               | HTTNV               |                                        | X         |                  |            |          |
| 25  | Phạm Ngọc Tuấn     | Trưởng Ban CTMT Thôn 4              |                                        | 1980      |           | Đảng viên               | HTTNV               |                                        | X         |                  |            |          |
| 26  | Lê Thị Thuỷ        | Trưởng Ban CTMT Thôn 5              |                                        |           | 1974      | Đảng viên               | HTTNV               |                                        | X         |                  |            |          |
| 27  | Trương Phi Quyển   | Trưởng Ban CTMT Thôn 6              |                                        | 1964      |           | Đảng viên               | HTTNV               |                                        | X         |                  |            |          |
| 28  | Đinh Mế            | Trưởng Ban CTMT Làng lợt            |                                        | 1986      |           | Đoàn viên               | HTTNV               |                                        | X         |                  |            |          |
|     | <b>Tổng cộng</b>   |                                     | <b>0</b>                               | <b>20</b> | <b>4</b>  |                         |                     | <b>2</b>                               | <b>12</b> | <b>0</b>         | <b>0</b>   | <b>0</b> |
|     | <b>TỔNG CỘNG</b>   |                                     | <b>0</b>                               | <b>44</b> | <b>16</b> |                         |                     | <b>9</b>                               | <b>31</b> | <b>1</b>         | <b>0</b>   | <b>0</b> |

Ghi chú:

- Biểu này tổng hợp từ mẫu số IV; mẫu số V và mẫu của huyện dùng cho người hoạt động không chuyên trách
- Biểu này dùng cho cấp xã tổng hợp báo cáo về UBND cấp huyện (qua phòng Nội vụ cấp huyện).
- Cột số (7): Nếu Đảng viên thi ghi "Đảng viên"; nếu Đoàn viên ghi "Đoàn viên".
- Cột số (13): Nếu lý do cụ thể số người xếp loại Không hoàn thành nhiệm vụ và không tham gia đánh giá xếp loại theo quy định

Đắk Hlơ, ngày 20 tháng 12 năm 2018

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

CHỦ TỊCH



Bùi Phích